

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG



BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2023



Sóc Trăng, năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH SÁCH BẢNG	vi
DANH SÁCH HÌNH	viii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	ix
I. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường	1
1. Môi trường không khí	1
2. Môi trường nước	12
2.1. Nước mặt.....	12
2.2. Nước biển ven bờ	34
2.3. Nước dưới đất.....	44
2.4. Nước mưa.....	55
3. Môi trường đất.....	60
4. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học	68
II. Bối cảnh chung kinh tế - xã hội và các tác động chính đến môi trường	69
1. Thông tin chung về phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.....	69
1.1. Thông tin về phát triển kinh tế	70
1.2. Thông tin về văn hóa - xã hội.....	73
2. Các tác động chính đến môi trường	75
2.1. Ô nhiễm do hoạt động sản xuất của khu công nghiệp	75
2.2. Ô nhiễm môi trường nước tại một số kênh rạch nội thành	75
2.3. Tình trạng triều cường dâng cao	76
2.4. Ô nhiễm môi trường không khí tại làng nghề hầm than Xuân Hòa.....	76
2.5. Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt	77
2.6. Ô nhiễm môi trường do hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm	81
2.7. Hoạt động nuôi tôm nước lợ	82
III. Kết quả hoạt động bảo vệ môi trường	83
1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm	83
2. Quản lý chất thải và phế liệu.....	93
3. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường.....	103
4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	103

5. Báo cáo kết quả về việc di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.....	105
6. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học	105
IV. Xây dựng chính sách, pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường	106
1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện	106
2. Giải quyết thủ tục hành chính	107
3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường.....	107
4. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường	108
V. Hệ thống quan trắc và cảnh báo về môi trường.....	111
1. Hệ thống quan trắc tài nguyên môi trường quốc gia.....	111
2. Duy trì hệ thống quan trắc, thực hiện chương trình quan trắc định kỳ của tỉnh	111
VI. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường.....	114
1. Nguồn nhân lực	114
2. Nguồn lực tài chính	117
VII. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường.....	119
1. Các chỉ tiêu môi trường.....	119
VIII. Đánh giá chung	120
1. Tổng kết, đánh giá chung về chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh.....	120
2. Tổng hợp, đánh giá chung về những kết quả đạt được trong công tác bảo vệ môi trường.....	120
2.1. Kết quả đạt được	120
2.2. Những vấn đề bất cập, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.....	123
3. Đánh giá chung về kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường trong năm	125
IX. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường thời gian tới.....	128
1. Mục tiêu, nhiệm vụ.....	128
2. Giải pháp bảo vệ môi trường trong thời gian tới	128
X. Đề xuất, kiến nghị.....	130
1. Kiến nghị đối với Bộ Tài Nguyên và Môi trường.....	130
2. Kiến nghị đối với Hội đồng nhân dân tỉnh.....	132

3. Yêu cầu đối với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	133
Phụ lục I. Các nguồn gây ô nhiễm	135
Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu	146
Phụ lục III. Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn	192
Phụ lục IV. Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.....	193
Phụ lục V. Hồ sơ môi trường đã phê duyệt/cấp trong năm	200
Phụ lục VI. Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm	208
Phụ lục VII. Hiện trạng các điểm quan trắc trên địa bàn.....	209
Phụ lục VIII. Thông tin về các điểm quan trắc.....	210
Phụ lục IX. Chỉ tiêu thống kê.....	227

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

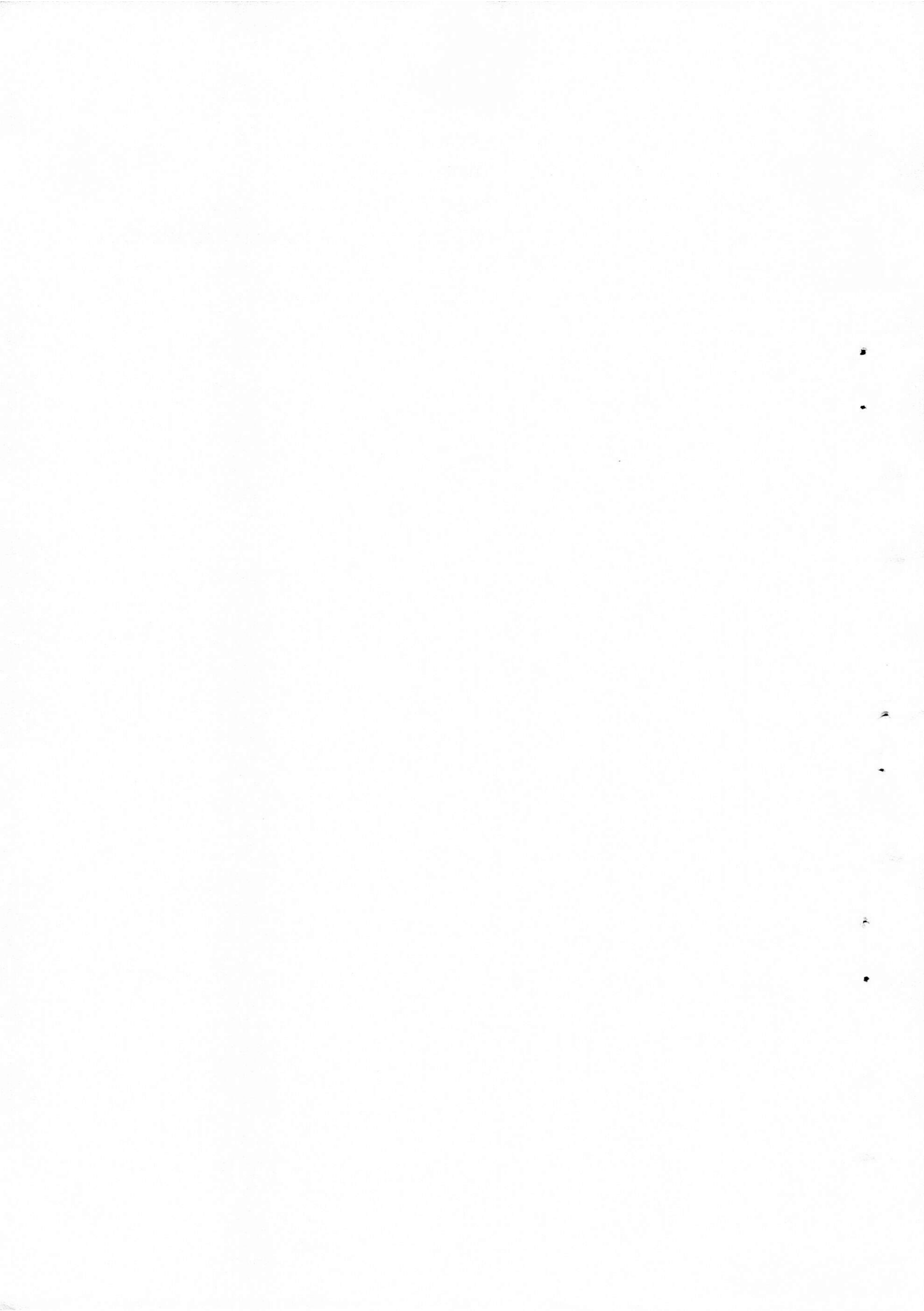
BTNMT	: Bộ Tài nguyên môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
BVTV	: Bảo vệ thực vật
BĐKH	: Biến đổi khí hậu
CN	: Công nghiệp
CTR	: Chất thải rắn
CTRYT	: Chất thải rắn y tế
CTLN	: Chất thải lây nhiễm
CTLNSN	: Chất thải lây nhiễm sắc nhọn
CTNH	: Chất thải nguy hại
ĐDSH	: Đa dạng sinh học
DNTN	: Doanh nghiệp tư nhân
K/CCN	: Khu/cụm công nghiệp
KBT	: Khu bảo tồn
KDC	: Khu dân cư
KTXH	: Kinh tế xã hội
LHPN	: Liên Hiệp Phụ Nữ
HST	: Hệ sinh thái
NGTK	: Niên giám thống kê
ODA	: Hỗ trợ phát triển chính thức
PCB	: Polychlorinated biphenyl
QCVN	: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QH	: Quốc hội
TN&MT	: Tài nguyên & Môi trường
Sở NN&PTNT	: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
TM-DV	: Thương mại – Dịch vụ
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn

Tp	: Thành phố
TX	: Thị xã
UBND	: Ủy ban Nhân dân
VLXD	: Vật liệu xây dựng
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới
XLNTTT	: Xử lý nước thải tập trung

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1. Thông tin về các điểm quan trắc không khí xung quanh và tiếng ồn.....	2
Bảng 2. Thông tin về các điểm quan trắc nước mặt.....	11
Bảng 3. Thông tin về các điểm quan trắc nước mặt.....	13
Bảng 4. Chỉ số VN_WQI và sự phù hợp với mục đích sử dụng.....	25
Bảng 5. Thông tin về các điểm quan trắc nước biển ven bờ.....	35
Bảng 6. Thông tin về các điểm quan trắc nước dưới đất	44
Bảng 7. Thông tin về các điểm quan trắc nước mưa	55
Bảng 8. Thông tin về các điểm quan trắc đất.....	60
Bảng 9. Chỉ tiêu kinh tế xã hội thực hiện năm 2023.....	70
Bảng 10. Hiện trạng khối lượng CTRSH phát sinh tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	77
Bảng 11. Khối lượng rác sinh hoạt chưa được thu gom năm 2023	78
Bảng 12. Khối lượng rác sinh hoạt phát sinh từ năm 2021-2023	78
Bảng 13. Danh sách lò đốt rác trên địa bàn tỉnh	79
Bảng 14. Thống kê khối lượng rác thu gom về nhà máy xử lý chất thải rắn.....	81
Bảng 15. Tải lượng thành phần ô nhiễm trong nước thải công nghiệp	83
Bảng 16. Tải lượng thành phần ô nhiễm trong nước thải công nghiệp	84
Bảng 17. Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.....	85
Bảng 18. Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ năm 2021 - 2023	85
Bảng 19. Tải lượng ô nhiễm sinh ra từ nước thải sinh hoạt năm 2023.....	87
Bảng 20. Danh sách các cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt thiết bị quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	88
Bảng 21. Tải lượng một số thành phần trong nước thải y tế bệnh viện.....	90
Bảng 22. Lượng nước thải chăn nuôi phát sinh trên địa bàn tỉnh.....	92
Bảng 23. Lượng nước thải chăn nuôi từ 2021-2023	92
Bảng 24. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh.....	95
Bảng 25. Khối lượng chất thải chăn nuôi phát sinh từ năm 2023.....	96
Bảng 26. Khối lượng chất thải chăn nuôi phát sinh từ năm 2021-2023	96
Bảng 27. Thống kê khối lượng CTNH phát sinh của một số cơ sở.....	102
Bảng 28. Văn bản ban hành năm 2023	106
Bảng 29. Thông tin về thiết bị quan trắc và phòng thí nghiệm.....	114
Bảng 30. Số lượng công chức/người lao động công tác tại phòng TN&MT....	116

Bảng 31. Số lượng công chức môi trường cấp xã.....	117
Bảng 32. Kinh phí sự nghiệp môi trường.....	118
Bảng 33. Thống kê các khu vực thu gom nước thải	122
Bảng 34. Lượng nước thải thu gom về nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt thành phố Sóc Trăng	122
Bảng 35. Chỉ tiêu thống kê môi trường các huyện	127



DANH SÁCH HÌNH

Hình 1. Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt thành phố Sóc Trăng	86
Hình 2. Hệ thống xử lý nước thải Trung tâm y tế huyện Châu Thành	91
Hình 3. Công nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt.....	94
Hình 4. Bao gói thuốc BVTV trên đồng ruộng tại khu vực chưa triển khai mô hình thu gom.....	98
Hình 5. Mô hình thu gom bao gói thuốc BVTV	99
Hình 6. Lò đốt rác chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng....	100
Hình 7. Phân loại và lưu giữ CTR y tế tại bệnh Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	101
Hình 8. Một số điểm sạt lở trên địa bàn huyện Kế Sách.....	104
Hình 9. Lễ phát động chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn và gian hàng đổi chất thải lấy quà	109
Hình 10. Tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ về BVMT	110
Hình 11. Ra quân thực hiện vệ sinh môi trường	110

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Biểu diễn hàm lượng TSP tại các điểm quan trắc	3
Biểu đồ 2. So sánh hàm lượng TSP năm 2023 và năm 2022.....	4
Biểu đồ 3. Biểu diễn hàm lượng CO tại các điểm quan trắc.....	5
Biểu đồ 4. So sánh hàm lượng CO năm 2023 và năm 2022	5
Biểu đồ 5. Biểu diễn hàm lượng NO ₂ tại các điểm quan trắc	6
Biểu đồ 6. So sánh hàm lượng NO ₂ năm 2023 và năm 2022	6
Biểu đồ 7. Biểu diễn hàm lượng SO ₂ trong không khí xung quanh	7
Biểu đồ 8. So sánh hàm lượng SO ₂ năm 2023 và năm 2022	7
Biểu đồ 9. Biểu diễn hàm lượng NH ₃ trong không khí xung quanh.....	8
Biểu đồ 10. So sánh hàm lượng NH ₃ năm 2023 và năm 2022.....	8
Biểu đồ 11. Biểu diễn hàm lượng H ₂ S trong không khí xung quanh	9
Biểu đồ 12. So sánh hàm lượng H ₂ S năm 2023 và năm 2022	9
Biểu đồ 13. Biểu diễn mức âm tương đương tại các điểm quan trắc.....	10
Biểu đồ 14. So sánh mức âm tương đương năm 2023 và năm 2022	10
Biểu đồ 15. Biểu diễn giá trị pH tại các điểm quan trắc nước mặt.....	17
Biểu đồ 16. So sánh giá trị pH nước mặt năm 2023, 2022 và 2021	17
Biểu đồ 17. Biểu diễn hàm lượng COD tại các điểm quan trắc nước mặt.....	18
Biểu đồ 18. So sánh hàm lượng COD nước mặt năm 2023, 2022 và 2021	19
Biểu đồ 19. Biểu diễn hàm lượng BOD ₅ tại các điểm quan trắc nước mặt	19
Biểu đồ 20. So sánh hàm lượng BOD ₅ nước mặt năm 2023, 2022 và 2021.....	20
Biểu đồ 21. Biểu diễn hàm lượng DO tại các điểm quan trắc nước mặt	20
Biểu đồ 22. So sánh hàm lượng DO nước mặt năm 2023, 2022 và 2021.....	21
Biểu đồ 23. Biểu diễn hàm lượng TSS tại các điểm quan trắc nước mặt.....	22
Biểu đồ 24. So sánh hàm lượng TSS nước mặt năm 2023, 2022 và 2021	22
Biểu đồ 25. Biểu diễn hàm lượng TOC tại các điểm quan trắc nước mặt.....	23
Biểu đồ 26. So sánh hàm lượng TOC nước mặt năm 2023, 2022 và 2021	24
Biểu đồ 27. Biểu diễn chỉ số Coliforms tại các điểm quan trắc nước mặt.....	24
Biểu đồ 28. So sánh chỉ số Coliforms nước mặt năm 2023, 2022 và 2021	25
Biểu đồ 29. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc TP Sóc Trăng	26
Biểu đồ 30. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc huyện Kế Sách	27
Biểu đồ 31. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc huyện Mỹ Xuyên	28

Biểu đồ 32. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc TX Vĩnh Châu.....	29
Biểu đồ 33. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc huyện Cù Lao Dung.....	29
Biểu đồ 34. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc huyện Thạnh Trị	30
Biểu đồ 35. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc TX Ngã Năm.....	31
Biểu đồ 36. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc huyện Mỹ Tú.....	31
Biểu đồ 37. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc huyện Trần Đề	32
Biểu đồ 38. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc huyện Châu Thành.....	33
Biểu đồ 39. Biểu diễn WQI các điểm quan trắc huyện Long Phú năm 2023	33
Biểu đồ 40. Biểu diễn giá trị pH NBVB qua các đợt quan trắc	36
Biểu đồ 41. So sánh giá trị pH NBVB năm 2023, 2022 và 2021	36
Biểu đồ 42. Biểu diễn hàm lượng DO NBVB qua các đợt quan trắc	37
Biểu đồ 43. So sánh giá trị TSS NBVB năm 2023, 2022 và 2021	37
Biểu đồ 44. Biểu diễn giá trị TSS NBVB qua các đợt quan trắc	38
Biểu đồ 45. So sánh giá trị TSS NBVB năm 2023, 2022 và 2021	38
Biểu đồ 46. Biểu diễn giá trị N-NH ₄ ⁺ NBVB qua các đợt quan trắc	39
Biểu đồ 47. So sánh giá trị N-NH ₄ ⁺ NBVB năm 2023, 2022 và 2021.	40
Biểu đồ 48. Biểu diễn giá trị P-PO ₄ ³⁻ NBVB qua các đợt quan trắc.....	40
Biểu đồ 49. So sánh giá trị P-PO ₄ ³⁻ NBVB năm 2023, 2022 và 2021	41
Biểu đồ 50. Biểu diễn giá trị Fe tổng NBVB qua các đợt quan trắc.....	41
Biểu đồ 51. So sánh giá trị Fe tổng NBVB năm 2023, 2022 và 2021	42
Biểu đồ 52. Biểu diễn giá trị dầu mỡ khoáng NBVB qua các đợt quan trắc.....	42
Biểu đồ 53. So sánh giá trị dầu mỡ khoáng NBVB năm 2023, 2022 và 2021 ...	43
Biểu đồ 54. Biểu diễn giá trị Coliforms NBVB qua các đợt quan trắc.....	43
Biểu đồ 55. So sánh giá trị Coliforms NBVB năm 2023, 2022 và 2021	44
Biểu đồ 56. Biểu diễn giá trị pH nước dưới đất giữa các đợt quan trắc	47
Biểu đồ 57. So sánh giá trị pH nước dưới đất năm 2023, 2022 và 2021	47
Biểu đồ 58. Biểu diễn hàm lượng TDS nước dưới đất giữa các đợt quan trắc...	48
Biểu đồ 59. So sánh hàm lượng TDS nước dưới đất năm 2023, 2022 và 2021 .	48
Biểu đồ 60. Biểu diễn chỉ số pemanganat nước dưới đất giữa các đợt quan trắc	49
Biểu đồ 61. So sánh chỉ số pemanganat nước dưới đất năm 2023, 2022 và 2021	49
Biểu đồ 62. Biểu diễn hàm lượng CaCO ₃ nước dưới đất giữa các đợt quan trắc	50

Biểu đồ 63. So sánh hàm lượng CaCO_3 nước dưới đất năm 2023, 2022 và 2021	50
Biểu đồ 64. Biểu diễn hàm lượng N-NH_4^+ nước dưới đất giữa các đợt quan trắc	51
Biểu đồ 65. So sánh hàm lượng N-NH_4^+ nước dưới đất năm 2023, 2022 và 2021	52
Biểu đồ 66. Biểu diễn hàm lượng Cl^- nước dưới đất giữa các đợt quan trắc	52
Biểu đồ 67. So sánh hàm lượng Cl^- nước dưới đất năm 2023, 2022 và 2021	53
Biểu đồ 68. Biểu diễn hàm lượng As nước dưới đất giữa các đợt quan trắc	53
Biểu đồ 69. So sánh hàm lượng As nước dưới đất năm 2023, 2022 và 2021	54
Biểu đồ 70. Biểu diễn mực nước tĩnh tại các giếng quan trắc chuyên biệt	55
Biểu đồ 71. Biểu diễn giá trị pH nước mưa qua các đợt quan trắc	56
Biểu đồ 72. So sánh giá trị pH nước mưa năm 2023, 2022 và 2021	57
Biểu đồ 73. Biểu diễn giá trị EC nước mưa qua 2 đợt quan trắc	57
Biểu đồ 74. So sánh giá trị EC nước mưa năm 2023, 2022 và 2021	58
Biểu đồ 75. Biểu diễn hàm lượng N-NH_4^+ nước mưa qua 2 đợt quan trắc	58
Biểu đồ 76. So sánh hàm lượng N-NH_4^+ nước mưa năm 2023, 2022 và 2021 ..	59
Biểu đồ 77. Biểu diễn hàm lượng N-NO_3^- nước mưa qua các đợt quan trắc	59
Biểu đồ 78. So sánh hàm lượng N-NO_3^- nước mưa năm 2023, 2022 và 2021 ...	60
Biểu đồ 79. Biểu diễn hàm lượng Chì trong đất đợt 1 và đợt 2 năm 2023	61
Biểu đồ 80. So sánh hàm lượng Chì trong đất năm 2023, 2022 và 2021	62
Biểu đồ 81. Biểu diễn hàm lượng Đồng trong đất đợt 1 và đợt 2 năm 2023	62
Biểu đồ 82. So sánh hàm lượng Đồng trong đất năm 2023, 2022 và 2021	63
Biểu đồ 83. Biểu diễn hàm lượng kẽm trong đất đợt 1 và đợt 2 năm 2023	63
Biểu đồ 84. So sánh hàm lượng kẽm trong đất năm 2023, 2022 và 2021	64
Biểu đồ 85. Biểu diễn hàm lượng Crom trong đất đợt 1 và đợt 2 năm 2023	64
Biểu đồ 86. So sánh hàm lượng Crom trong đất năm 2023, 2022 và 2023	65
Biểu đồ 87. Biểu diễn hàm lượng Cadmium trong đất đợt 1 và đợt 2 năm 2023 ..	65
Biểu đồ 88. So sánh hàm lượng Cadmium trong đất năm 2023, 2022 và 2021	66
Biểu đồ 89. Biểu diễn hàm lượng Asen trong đất qua các đợt quan trắc	66
Biểu đồ 90. So sánh hàm lượng Asen trong đất năm 2023, 2022 và 2021	67